

Số: 83/2021/DS-ST

Ngày: 04-8-2021

“V/v: Tranh chấp HĐ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, bà Nguyễn Thúy Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXX-DSST ngày 02/7/2021, giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02 LH, phường TC, quận B, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Châu L – Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh C.

Người được ủy quyền lại: ông Đặng Thanh L, sinh năm 1988 – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh; Địa chỉ: Số 359 NTT, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**/ Bị đơn:* ông Bùi Xuân H, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: thôn 02, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông (ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng N (viết tắt là Agribank) và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 09/3/2011 Ngân hàng N có ký kết hợp đồng tín dụng số 5301-LAV-201100264/HĐTD với ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T cho vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 1.625%/tháng tại thời điểm vay, bên vay trả lãi định kỳ 06 tháng/01 lần. Thời hạn

thanh toán là ngày 08/3/2012. Khi vay có dùng tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất thửa đất số 45, 151, 87 tờ bản đồ số 22 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 20 tất cả đều tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông đứng tên ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các tài sản đảm bảo này còn được dùng để đảm bảo cho khoản vay của ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L và hiện các tài sản bảo đảm này đã được kê biên, phát mãi để xử lý nợ.

Thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) vào ngày 09/3/2011, tuy nhiên đến hạn ngày 08/3/2012 ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T không trả được nợ và Ngân hàng đã kê biên, bán đấu giá các tài sản đảm bảo để xử lý nợ và thu hồi được số tiền 221.450.000 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), hiện ông bà còn nợ số tiền gốc 278.550.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) và lãi suất phát sinh.

Nguyên đơn yêu cầu ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 04/8/2021 là 931.609.725 đồng (*Chín trăm ba mươi một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó 278.550.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền gốc và 466.354.554 đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng*) lãi trong hạn; 186.705.171 đồng (*Một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm lẻ năm nghìn một trăm bảy mươi một đồng*) lãi quá hạn và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

- Theo lời trình bày của bị đơn ông Bùi Xuân H trong quá trình giải quyết vụ án: Vào năm 2011 ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T có ký kết với Ngân hàng N vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 19.5%/năm tại thời điểm vay, khi vay chúng tôi có thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất thửa đất số 45, 151, 87 tờ bản đồ số 22 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 20 tất cả đều tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông đứng tên ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các tài sản trên Ngân hàng đã kê biên, bán đấu giá các tài sản đảm bảo để xử lý nợ và thu hồi khoản nợ của ông H và bà T được số tiền 221.450.000 đồng, hiện ông bà còn nợ số tiền gốc 278.550.000 đồng và lãi suất phát sinh. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ông bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng do làm ăn thua lỗ nên hiện chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Còn vợ ông là bà Nguyễn Thị T cũng đã được nhận thông báo thụ lý vụ án nhưng do công việc nên không thể sắp xếp tham gia giải quyết vụ án được.

Đối với bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án cho bà Nguyễn Thị T, yêu cầu đương sự phải có mặt tại Tòa án để làm việc, nhưng tất cả những lần triệu tập bà Nguyễn Thị T đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn ông Bùi Xuân H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; Bị đơn bà Nguyễn Thị T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng N số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử, ngày 04/8/2021 là 931.609.725 đồng (*Chín trăm ba mươi một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc 278.550.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) và 466.354.554 đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng*) lãi trong hạn; 186.705.171 đồng (*Một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm lẻ năm nghìn một trăm bảy mươi một đồng*) lãi quá hạn và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết.

Về án phí bị đơn Bùi Xuân Hữu, bà Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn ông Bùi Xuân H và nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc*

không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn ông Bùi Xuân H, và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông nhận định như sau:

Theo hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 5301-LAV - 201100264/HĐTD ngày 09/3/2011 giữa Ngân hàng N và ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T thỏa thuận Ngân hàng N cho ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 19.5%/năm tại thời điểm vay, khi vay có thể chấp tài sản là Quyền sử dụng đất thửa đất số 45, 151, 87 tờ bản đồ số 22 và thửa đất số 46 tờ bản đồ số 20 tất cả đều tọa lạc tại xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông đứng tên ông Nguyễn Văn D và bà Bùi Thị L để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các tài sản trên Ngân hàng đã kê biên, bán đấu giá các tài sản đảm bảo để xử lý nợ và thu hồi khoản nợ của ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T được số tiền 221.450.000 đồng, hiện ông bà còn nợ số tiền gốc 278.550.000 đồng và lãi suất phát sinh, nay nguyên đơn yêu cầu ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử, ngày 04/8/2021 là 931.609.725 đồng (*Chín trăm ba mươi một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc 278.550.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) và 466.354.554 đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng*) lãi trong hạn; 186.705.171 đồng (*Một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm lẻ năm nghìn một trăm bảy mươi một đồng*) lãi quá hạn và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

Theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 1 về thời hạn vay của Hợp đồng tín dụng được lập giữa hai bên, vì vậy Ngân hàng khởi kiện đối với ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T để yêu cầu ông bà trả nợ là phù hợp. Xét việc thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng nội dung hợp đồng phù hợp với khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Nguyên đơn buộc ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền còn nợ và lãi suất là có căn cứ nên cần chấp nhận. Do đó cần buộc ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử, ngày 04/8/2021 là 931.609.725 đồng (*Chín trăm ba mươi một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc 278.550.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn*

đồng) và 466.354.554 đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng*) lãi trong hạn; 186.705.171 đồng (*Một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm lẻ năm nghìn một trăm bảy mươi đồng*) lãi quá hạn và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1. Buộc ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng N, chi nhánh C, Đăk Nông số tiền tính đến ngày xét xử, ngày 04/8/2021 là 931.609.725 đồng (*Chín trăm ba mươi một triệu sáu trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc 278.550.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) và 466.354.554 đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi bốn đồng*) lãi trong hạn; 186.705.171 đồng (*Một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm lẻ năm nghìn một trăm bảy mươi đồng*) lãi quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc ông Bùi Xuân H và bà Nguyễn Thị T phải chịu 39.949.000đ (*Ba mươi chín triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí DSST. Trả lại cho Nguyên đơn Ngân hàng N, chi nhánh C, Đăk Nông số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.362.000đ (*Mười chín triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn*

đồng) theo biên lai số 0004968 ngày 06/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh

